

Số: 111/BC-STP

Tuyên Quang, ngày 24 tháng 5 năm 2019

## **BÁO CÁO**

### **Kết quả thẩm định đề nghị xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh về chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang**

Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang nhận được Công văn số 838/SNN-PTNT ngày 23/5/2019 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc thẩm định hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh ban hành chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh,

Căn cứ Điều 115 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, Giám đốc Sở Tư pháp đã ban hành Quyết định số 92/QĐ-STP ngày 23/5/2019 thành lập Hội đồng tư vấn thẩm định đề nghị xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh về chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (*viết tắt là Hội đồng tư vấn thẩm định*), do Giám đốc Sở Tư pháp là Chủ tịch Hội đồng.

Ngày 24/5/2019, Hội đồng tư vấn thẩm định đã họp và cho ý kiến thẩm định dự thảo Nghị quyết. Trên cơ sở kết quả cuộc họp Hội đồng tư vấn thẩm định và kết quả nghiên cứu độc lập, Sở Tư pháp có ý kiến thẩm định như sau:

#### **I. CĂN CỨ THẨM ĐỊNH VĂN BẢN**

- Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
- Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;
- Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;
- Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật (*sau đây viết tắt là Nghị định số 34/2016/NĐ-CP*);
- Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp (*sau đây viết tắt là Nghị định số 98/2018/NĐ-CP*);
- Một số văn bản, tài liệu có liên quan.

#### **II. NỘI DUNG THẨM ĐỊNH**

##### **1. Sự cần thiết ban hành chính sách**

Thực hiện Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg ngày 25/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn, ngày 17/7/2015 UBND tỉnh ban hành Quyết định số 10/2015/QĐ-UBND ban hành Quy định về hỗ trợ

khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn; quy mô diện tích tối thiểu đối với Dự án cánh đồng lớn trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Ngày 05/7/2018, Chính phủ ban hành Nghị định số 98/2018/NĐ-CP về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp bãi bỏ Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg, tại khoản 2 Điều 17 Nghị định này quy định Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương:

*“2. Trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phê duyệt chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm trên địa bàn”.*

Căn cứ quy định nêu trên thì cần thiết phải ban hành Nghị quyết của HĐND tỉnh về chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

**2. Sự phù hợp của nội dung chính sách với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước; Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất của chính sách với hệ thống pháp luật và tính khả thi, tính dự báo của nội dung chính sách, các giải pháp và điều kiện bảo đảm thực hiện chính sách dự kiến trong đề nghị xây dựng nghị quyết**

**2.1. Đề nghị bổ sung đối tượng áp dụng của dự thảo Nghị quyết.**

**2.2. Về nội dung và mức hỗ trợ**

Khoản 1 Điều 1 dự thảo Đề cương Nghị quyết quy định phạm vi điều chỉnh như sau:

*“a) Hỗ trợ chi phí tư vấn xây dựng liên kết: Chủ trì liên kết được ngân sách nhà nước hỗ trợ 100% chi phí tư vấn xây dựng liên kết, mức hỗ trợ không quá 100 triệu đồng, bao gồm tư vấn, nghiên cứu để xây dựng hợp đồng liên kết, dự án liên kết, phương án, kế hoạch sản xuất kinh doanh, phát triển thị trường.*

*b) Hỗ trợ hạ tầng phục vụ liên kết: Dự án liên kết được ngân sách nhà nước hỗ trợ 30% vốn đầu tư máy móc trang thiết bị; xây dựng các công trình hạ tầng phục vụ liên kết bao gồm: nhà xưởng, bến bãi, kho tàng phục vụ sản xuất, sơ chế, bảo quản, chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp. Tổng mức hỗ trợ không quá 1,5 tỷ đồng.*

*c) Hỗ trợ giống: Ngân sách nhà nước hỗ trợ 50% chi phí mua giống tối đa không quá 03 vụ hoặc 03 chu kỳ sản xuất, khai thác sản phẩm thông qua các dịch vụ tập trung của hợp tác xã, mức hỗ trợ không quá 400 triệu đồng.*

*d) Hỗ trợ bao bì, nhãn mác: Ngân sách nhà nước hỗ trợ 100% chi phí mua bao bì, nhãn mác sản phẩm tối đa không quá 03 vụ hoặc 03 chu kỳ sản xuất, khai thác sản phẩm thông qua các dịch vụ tập trung của hợp tác xã, mức hỗ trợ không quá 100 triệu đồng.*

*e) Hỗ trợ chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật, áp dụng quy trình kỹ thuật và quản lý chất lượng: Ngân sách nhà nước hỗ trợ tối đa 40% chi phí*

*chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới (Không áp dụng đối với chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật của các dự án, đề tài khoa học cấp tỉnh), áp dụng quy trình kỹ thuật và quản lý chất lượng đồng bộ theo chuỗi, mức hỗ trợ không quá 100 triệu đồng”.*

Đề xuất các mức hỗ trợ nêu trên thấp hơn nhiều so với Nghị định số 98/2018/NĐ-CP như: (1) Hỗ trợ chi phí tư vấn xây dựng liên kết là không quá 100 triệu đồng nhưng Điều 7 Nghị định số 98/2018/NĐ-CP là không quá 300 triệu đồng; (2) Hỗ trợ hạ tầng phục vụ liên kết không quá 1,5 tỷ đồng nhưng Điều 8 Nghị định số 98/2018/NĐ-CP là không quá 10 tỷ đồng; Hỗ trợ 50% giống không quá 03 vụ hoặc 03 chu kỳ sản xuất, khai thác sản phẩm thông qua các dịch vụ tập trung của hợp tác xã, mức hỗ trợ không quá 400 triệu đồng tại Điều 9 Nghị định số 98/2018/NĐ-CP là 100% giống không quá 03 vụ hoặc 03 chu kỳ sản xuất... Vì vậy, đề nghị cơ quan soạn thảo cân nhắc điều chỉnh định mức hỗ trợ nêu trên nhằm khuyến khích các chủ thể tham gia chuỗi liên kết, đặc biệt là hỗ trợ hạ tầng phục vụ liên kết và hỗ trợ giống để không tạo sự chênh lệch quá lớn so với chính sách quy định tại Nghị định số 98/2018/NĐ-CP và điểm a khoản 1 Điều 11 Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn (*Hỗ trợ cơ sở chế biến nông sản, cơ sở giết mổ gia súc gia cầm: 60% kinh phí đầu tư và không quá 15 tỷ đồng/dự án để xây dựng cơ sở hạ tầng về xử lý chất thải, giao thông, điện, nước, nhà xưởng và mua thiết bị trong hàng rào dự án*).

### **2.3. Nguồn kinh phí thực hiện chính sách**

Khoản 3 Điều 1 dự thảo Đề cương Nghị quyết chỉnh sửa quy định nguồn kinh phí thực hiện chính sách, đề nghị quy định theo hướng dẫn chiểu thực hiện khoản 2 Điều 7, khoản 2 Điều 8, khoản 3 Điều 9 Nghị định số 98/2018/NĐ-CP.

### **2.4. Điều kiện chuyển tiếp**

Điều 2 dự thảo Đề cương Nghị quyết quy định điều kiện chuyển tiếp như sau: *“Các bên tham gia liên kết đang thực hiện theo Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg ngày 25/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ (được cụ thể hóa tại Quyết định số 10/2015/QĐ-UBND ngày 17/7/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh) trước khi Nghị quyết này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục được hưởng các chính sách đã được phê duyệt”.* Tuy nhiên, các bên tham gia liên kết theo Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg đã được khoản 3 Điều 19 Nghị định số 98/2018/NĐ-CP quy định vấn đề chuyển tiếp, vì vậy đề nghị dự thảo Nghị quyết chỉ quy định chuyển tiếp đối với các trường hợp thực hiện theo Quyết định số 10/2015/QĐ-UBND của UBND tỉnh.

### **2.5. Bổ cục dự thảo Đề cương Nghị quyết**

Đề nghị kết cấu lại đề cương nghị quyết theo hướng Điều 1 quy định phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng, chuyển khoản 4 quy định *“Các nội dung khác liên quan: Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày*

05/7/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp” về phạm vi điều chỉnh; Điều 2 quy định nội dung và mức hỗ trợ, Điều 3 quy định nguồn kinh phí,...

### **2.6. Về hồ sơ, trình tự, thủ tục lập đề nghị xây nghị quyết**

Hồ sơ gửi Sở Tư pháp thẩm định còn thiếu văn bản tham gia ý kiến của (i) Các bộ quản lý ngành, lĩnh vực có liên quan ở trung ương; (ii) Đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của các chính sách trong đề nghị xây dựng nghị quyết theo quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 10 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP<sup>1</sup>.

### **3. Kết luận**

Đề nghị cơ quan lập đề nghị xây dựng nghị quyết tiếp thu ý kiến nêu tại mục 1, 2 Báo cáo này; hoàn chỉnh hồ sơ dự thảo Nghị quyết gửi Sở Tư pháp thẩm định theo quy định.

Trên đây là báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp về đề nghị xây dựng nghị quyết về chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang./.

#### **Nơi nhận:**

- UBND tỉnh (báo cáo);
  - Sở Nông nghiệp và PTNT;
  - Giám đốc Sở;
  - Trang TTĐT STP;
  - Lưu VT, XD&KTVB.
- Loan.4b.

**GIÁM ĐỐC**

**Nguyễn Thị Thược**

<sup>1</sup> Khoản 1, khoản 3 Điều 10 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP quy định:

*“1. Tổ chức lấy ý kiến của đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của các chính sách trong đề nghị và lấy ý kiến của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan theo quy định của Luật và tổng hợp, nghiên cứu, giải trình, tiếp thu các ý kiến góp ý;*

*3. Gửi hồ sơ đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan trung ương đến các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan, tổ chức có liên quan để lấy ý kiến. Đối với đề nghị xây dựng nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, gửi hồ sơ đến cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, các bộ, cơ quan ngang bộ quản lý ngành, lĩnh vực có liên quan, cơ quan, tổ chức khác có liên quan để lấy ý kiến”.*